

Số: 542 /BC-UBND

Kế Sách, ngày 21 tháng 11 năm 2019

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính năm 2019 phương hướng, nhiệm vụ năm 2020**

Thực hiện Công văn số 1699/SNV-CCHC ngày 13/8/2018 của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng về việc hướng dẫn xây dựng báo cáo định kỳ công tác cải cách hành chính, Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020, cụ thể như sau:

#### **I. Tình hình tổ chức thực hiện văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC**

##### **1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao**

Trong năm 2019, huyện cơ bản hoàn thành việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch, Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh liên quan đến thực hiện nhiệm vụ CCHC. Trọng tâm như tổ chức triển khai Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 26/12/2018 về thực hiện cải cách hành chính năm 2019; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 03/01/2019 về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2019; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 05/01/2019 về kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2019; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 07/01/2019 về theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2019; Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 14/01/2019 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 18/01/2019 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019; Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 03/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng, về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 cho huyện Kế Sách; Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giao chỉ tiêu người làm việc, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ đối với các hội có tính chất đặc thù, tỉnh Sóc Trăng năm 2019; Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giao biên chế công chức, phân bổ số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ, tỉnh Sóc Trăng năm 2019; Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 03/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt, công bố Chỉ số cải cách hành chính và đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2018,

tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy chế quản lý, sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

## **2. Tình hình ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC trên địa bàn huyện**

Căn cứ các kế hoạch liên quan đến cải cách hành chính năm 2019 của tỉnh, trong năm 2019 huyện đã ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành về thực hiện CCHC trên địa bàn huyện, cụ thể như:

- Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 14/01/2019 về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 21/01/2019 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính; Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 21/01/2019 về kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện Kế Sách năm 2019.

- Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 22/01/2019 về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2019. Kết quả huyện triển khai thực hiện đạt 25/27 nhiệm vụ (2 nhiệm vụ chưa thực hiện được là sáp nhập Phòng Y tế và Phòng Dân tộc vào Văn phòng HĐND và UBND huyện do tạm dừng thực hiện đổi văn bản hướng dẫn của trung ương). Như vậy trong năm 2019 huyện thực hiện đạt tỷ lệ 100% theo Kế hoạch.

- Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 28/01/2019 về theo dõi thi hành pháp luật; Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 14/02/2019 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019;

- Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 27/02/2019 về tuyên truyền cải cách hành chính trên địa bàn huyện Kế Sách năm 2019. Kết quả thực hiện đạt tỷ lệ 100% theo Kế hoạch.

- Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 12/3/2019 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2019; Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 phê duyệt “Kế hoạch kiểm tra công tác nội vụ năm 2019”; Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 về việc thành lập Đoàn kiểm tra công vụ và ban hành Quy chế hoạt động của Đoàn kiểm tra công vụ huyện Kế Sách. Kết quả đã tổ chức kiểm tra công tác CCHC, công tác nội vụ, công vụ năm 2019 tổng số 21 đơn vị, trong đó phòng ban chuyên môn 06 đơn vị; đơn vị sự nghiệp 08 đơn vị; UBND cấp xã 7 đơn vị, đạt tỷ lệ 100% theo Kế hoạch.

- Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 29/3/2019 về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trên địa bàn huyện Kế Sách năm 2019. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2019 là 12/12 trường hợp đạt tỷ lệ 100% theo Kế hoạch.

- Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 02/5/2019 về phát động phong trào thi đua thực hiện cải cách hành chính; Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 03/5/2019 tổ chức Hội nghị đánh giá chỉ số cải cách hành chính cấp huyện và công bố chỉ số cải cách hành chính cấp xã năm 2018;

- Kế hoạch số 240<sup>a</sup>/KH-UBND ngày 24/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách tuyển dụng công chức cấp xã huyện Kế Sách năm 2019. Kết quả



đã đề nghị Chỉ tịch UBND tỉnh thống nhất tiếp nhận 03 trường hợp vào công chức cấp xã;

- Kế hoạch số 386/KH-UBND ngày 29/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách tổ chức Hội thi tìm hiểu về cải cách hành chính huyện Kế Sách năm 2019.

- Đề án số 342/ĐA-UBND ngày 29/8/2019 tổ chức lại Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Kế Sách trên cơ sở sáp nhập Nhà Truyền thống - Thư viện huyện Kế Sách vào Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Kế Sách. Đến nay đã được UBND tỉnh thống nhất tổ chức lại Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 43/KH-SNV ngày 26/7/2019 của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng về kiểm tra, đánh giá năng lực làm việc, kỹ năng giao tiếp và mức độ am hiểu của công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã năm 2019.

- Công văn số 352/UBND-VP ngày 02/8/2019 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 03/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ các kế hoạch, công văn cấp tỉnh, huyện ban hành, UBND huyện đã chỉ đạo Thủ trưởng các phòng ban, ngành huyện, các đơn vị sự nghiệp, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn huyện và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện cơ bản đạt yêu cầu theo các kế hoạch công văn đã đề ra.

### **3. Việc triển khai các giải pháp, cách làm hay trong thực hiện CCHC trên địa bàn huyện**

UBND huyện thường xuyên chỉ đạo Thủ trưởng các phòng ban ngành, các cơ quan Trung ương tại địa phương và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn đẩy mạnh thực hiện công tác chỉ đạo điều hành CCHC áp dụng sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả thực hiện CCHC của đơn vị. Kết quả trong năm 2019 huyện đã phê duyệt một số mô hình áp dụng trong thực hiện CCHC tại UBND cấp xã cụ thể như mô hình Tổ chức đối thoại trực tiếp với người dân; tổ chức trao giấy chứng nhận kết hôn; gửi thư chúc mừng cho những cặp đôi đến đăng ký kết hôn và đăng ký khai sinh cho trẻ; gửi thư chia buồn cho gia đình có người thân qua đời đến khai tử tại bộ phận một cửa; thiết lập và sử dụng mạng xã hội zalo để giao tiếp, phổ biến, hướng dẫn, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trước khi đến giao dịch tại bộ phận một cửa điện tử tại UBND xã Xuân Hòa; mô hình "Chính quyền thân thiện, năng động, hiệu quả vì dân phục vụ" tại UBND xã Kế Thành, UBND xã An Mỹ (với hình thức viết hộ người cao tuổi, người hạn chế về trình độ văn hóa); mô hình cấp đổi Giấy chứng minh nhân dân tại xã Kế Thành. Đến nay có một số mô hình đã được nhân rộng ra một số xã, thị trấn trên địa bàn huyện áp dụng.

## **II. Kết quả chủ yếu đạt được**

### **1. Thông tin lãnh đạo, công chức phụ trách CCHC**

(Đính kèm danh sách).



## **2. Kết quả thực hiện CCHC**

### **2.1. Về cải cách thể chế**

#### **a) Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tham mưu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)**

Tiếp tục chỉ đạo phòng Tư pháp hướng dẫn các phòng chuyên môn, UBND các xã, thị trấn đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tuân thủ chặt chẽ quy trình xây dựng, ban hành văn bản, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ và tính khả thi. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân các xã, thị trấn sau khi ban hành được gửi đến Phòng Tư pháp kiểm tra, qua kiểm tra cơ bản ban hành đúng theo quy định.

#### **b) Hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền**

Các cơ quan chuyên môn tiếp tục hoạt động ổn định, bám sát vào các Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị để thực hiện nhiệm vụ ngày càng hiệu quả, nâng cao chất lượng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của các phòng chuyên môn để kịp thời ban hành quyết định sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định.

#### **c) Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật**

Ngay từ đầu năm huyện ban hành, triển khai Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 21/01/2019 về kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện Kế sách năm 2019. Giao phòng Tư pháp hướng dẫn các ngành chuyên môn, UBND các xã, thị trấn thường xuyên rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực của cơ quan, đơn vị mình thực hiện, nhằm phát hiện những quy định trái pháp luật, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với các văn bản của cấp trên hay không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để kịp sửa đổi, bổ sung, ban hành mới, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Việc rà soát văn bản được thực hiện thường xuyên, trong năm 2019, huyện tiến hành rà soát được 02 văn bản quy phạm pháp luật, hình thức văn bản là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện; công tác triển khai các văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh và huyện ban hành được thực hiện kịp thời; kiểm tra văn bản QPPL được 13 văn bản QPPL (hình thức là Nghị quyết của HĐND), qua công tác kiểm tra cho thấy, các đơn vị luôn tuân thủ đúng quy trình, thủ tục ban hành văn bản, chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu chưa phù hợp phải xử lý trong quá trình kiểm tra.

### **2.2. Cải cách thủ tục hành chính**

#### ***Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông***

Tiếp tục thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; ban hành quyết định kiện toàn Bộ phận một cửa, ban hành quy chế tổ chức

và hoạt động của Bộ phận một cửa theo quy định; nghiêm túc thực hiện xin lỗi người dân, tổ chức khi xảy ra trễ hẹn; cập nhật, công khai kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc phạm vi và thẩm quyền giải quyết trên Trang thông tin điện tử, hệ thống Một cửa điện tử, bảng niêm yết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Trong năm 2019, Bộ phận một cửa huyện tiếp nhận tổng số 5.697 hồ sơ, trong đó kỳ trước chuyển qua là 323 hồ sơ, tiếp nhận mới là 5.374 hồ sơ, kết quả giải quyết được 4.115 hồ sơ (đúng hạn 4.101 hồ sơ đạt tỷ lệ 99,7%), hồ sơ đang giải quyết 1.582 hồ sơ; Bộ phận một cửa cấp xã tiếp nhận tổng số 92.154 hồ sơ, kết quả giải quyết được 92.154 hồ sơ (giải quyết đúng hạn 91.627 hồ sơ đạt tỷ lệ 99,4).

Ủy ban nhân dân xã, thị trấn triển khai thực hiện nghiêm túc việc giải quyết TTHC liên thông đối với các TTHC: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí theo Quyết định số 1380/QĐ-TTg ngày 18/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng (kết quả tính đến ngày 01/11/2019 đã tiếp nhận tổng số 571 hồ sơ).

Việc bố trí, phân công cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện đúng theo quy định của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cử liên thông.

#### ***Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa TTHC***

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 14/01/2019 về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2019, Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 21/01/2019 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2019 trên địa bàn huyện; thường xuyên cập nhật, niêm yết, công khai TTHC đã được UBND tỉnh công bố tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của huyện, các xã, thị trấn và trang thông tin điện tử của huyện đúng theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức đến tìm hiểu, giám sát và thực hiện TTHC.

Trong năm 2019, huyện thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết TTHC được 03 TTHC (do UBND xã triển khai rút ngắn thời gian), cụ thể như sau:

+ Thủ tục xác nhận tình trạng hôn nhân, theo quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc (nếu đầy đủ thủ tục theo quy định), UBND xã thực hiện rút ngắn giải quyết trong ngày làm việc (áp dụng đối với hồ sơ không cần phải xác minh).

+ Thủ tục đăng ký lại khai sinh, theo quy định là 05 ngày làm việc (nếu đầy đủ thủ tục theo quy định), UBND xã thực hiện rút ngắn giải quyết trong ngày làm việc (áp dụng đối với hồ sơ không cần phải xác minh).

+ Thủ tục xác nhận sổ lưu hộ tịch, theo quy định là 03 ngày làm việc, UBND xã thực hiện rút ngắn giải quyết trong ngày làm việc.

#### **2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

- Việc thực hiện tinh giản biên chế được triển khai thực hiện đúng quy định. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được UBND tỉnh phê duyệt tinh giản theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ năm



2019 là 41 trường hợp, trong đó phòng ban chuyên môn là 02 trường hợp, viên chức sự nghiệp giáo dục là 33 trường hợp, cấp xã là 6 trường hợp. Đạt tỷ lệ 92,69% so với kế hoạch (giai đoạn 2015-2021). Trong đó khối hành chính đạt 160%; sự nghiệp Giáo dục và đào tạo đạt 70%; sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể thao đạt 100%; hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ đạt 430%; cán bộ, công chức cấp xã đạt 128,21%.

- Tiếp tục triển khai thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị huyện theo Đề án tổng thể số 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng; Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 17/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng và Đề án số 03-ĐA/HU của Huyện ủy Kế Sách. Tính đến hết quý IV/2019, huyện đã thực hiện sáp nhập Nhà Truyền thống - Thư viện vào Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện; sáp nhập Trường tiểu học Kế An 2 vào trường Tiểu học Kế An 1, trường Tiểu học Xuân Hòa 1 vào trường Tiểu học Xuân Hòa 2, trường Tiểu học Kế Thành 2 Trường THCS Kế Thành thành trường Tiểu học và Trung học cơ sở Kế Thành 2, trường Tiểu học An Mỹ 1 trường THCS An Mỹ 2 thành trường Tiểu học và THCS An Mỹ 2, trường tiểu học Xuân Hòa 3 vào trường tiểu học Xuân Hòa 4, trường tiểu học Đại Hải 3 vào tiểu học Đại Hải 1; sắp xếp cán bộ, công chức xã, thị trấn được 21/61 trường hợp (đạt tỷ lệ 34,4%), những người hoạt động không chuyên trách giảm là 53/91 trường hợp (đạt tỷ lệ 58,2%), thực hiện giảm 04 chức danh đoàn thể áp chuyển sang hình thức khoán kinh phí tổng số 344/344 trường hợp (đạt tỷ lệ 100%).

#### **2.4. Thực hiện việc phân cấp quản lý**

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 29/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục chỉ đạo các phòng ban chuyên môn rà soát kịp thời kiến nghị với UBND tỉnh và các sở chuyên ngành các nội dung cần phân cấp quản lý phù hợp với quy định, điều kiện của địa phương; thực hiện nghiêm túc công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và quản lý tổ chức, biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ theo Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 và Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

#### **2.5. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019 của huyện cơ bản đạt yêu cầu theo Kế hoạch. Trong năm 2019 huyện cử tổng số 176 trường hợp tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng do tỉnh tổ chức; bên cạnh đó Phối hợp với Trường Chính trị tỉnh Sóc Trăng tổ chức 02 lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên tại huyện, tổng số 170 học viên tham dự; phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự huyện Kế Sách tổ chức khai giảng 2 lớp bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng - An ninh đối tượng 4, năm 2019 tổng số là 378 học viên (trong đó cán bộ đảng viên các xã, thị trấn 270 học viên; chức sắc, chức việc, nhà tu hành 108 học viên).

## **2.6. Cải cách tài chính công**

Tiếp tục triển khai thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ, tổng số 32 đơn vị; tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ đối với các đơn vị sự nghiệp tổng số 74 đơn vị; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết trung ương 6 khóa XII.

Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa trên các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực y tế và giáo dục đảm bảo sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong lĩnh vực y tế, giáo dục trên 80%.

Các cơ quan, đơn vị xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định; rà soát, bổ sung, điều chỉnh chế độ định mức chi hiện hành vào quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức và công đoàn cơ quan đảm bảo đúng theo chế độ chi tiêu và tăng thu nhập hợp pháp đối với cán bộ, công chức, viên chức dựa theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

## **2.7. Hiện đại hóa hành chính**

### **- Tình hình ứng dụng CNTT trong hoạt động của đơn vị:**

Trong năm 2019, huyện tiếp tục duy trì tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính. Để đảm bảo việc thực hiện xử lý hồ sơ công việc qua môi trường điện tử và gửi nhận văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số trong hoạt động trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện thông qua phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, huyện đã chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND huyện tổng hợp danh sách đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông cấp tài khoản phần mềm cho cán bộ, công chức các phòng, ban ngành huyện, các đơn vị sự nghiệp cấp huyện: 45 chứng thư số và cấp xã được 64 tài khoản và 64 chữ ký số (tính đến ngày 01/11/2019 đã cấp được 151 tài khoản cho cán bộ, công chức); đồng thời phối hợp với Phòng Nội vụ và Phòng Văn hóa và Thông tin tổ chức hướng dẫn cán bộ, công chức các phòng ban chuyên môn, UBND các xã thị trấn sử dụng hệ thống quản lý văn bản điều hành và sử dụng chữ ký số. Bên cạnh đó, huyện đã xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin năm 2019 trên địa bàn huyện.

### **- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong giải quyết thủ tục hành chính:**

Tiếp tục thực hiện và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (được công bố lại tại Quyết định số 1297/QĐ-CTUBND ngày 15/11/2019 của Chủ tịch UBND huyện) đến nay, huyện có 274 quy trình thủ tục hành chính với 48 lĩnh vực được áp dụng theo chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; đối với cấp xã, thị trấn có 124 quy trình thủ tục hành chính với 32 lĩnh vực được áp dụng theo chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, các quy trình thủ tục hành chính được niêm yết công khai tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hồ sơ hành chính theo quy định. Hệ thống đảm bảo có sự tham gia



của Lãnh đạo các phòng, ban ngành, các đơn vị, cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng và áp dụng; quy trình công việc gắn kết chặt chẽ với nội dung công tác của các phòng, ban ngành, thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

Các phòng chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tiếp tục duy trì áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, tổng số quy trình áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các phòng chuyên môn là 257 quy trình. Tổng số hồ sơ tiếp nhận theo ISO trong năm tổng số 5.697 hồ sơ, kết quả giải quyết được 4.115 hồ sơ. Đồng thời triển khai thực hiện đánh giá nội bộ theo Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 24/01/2019.

*(Đính kèm các Biểu mẫu 1B, 2B, 3B, 4B, 5B, 6B, 7B, 8B, 9B, 10B, 11B, 13B, 14B).*

### **3. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng**

Tiếp tục chỉ đạo các phòng ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã thị trấn đẩy mạnh thực hiện các quy định về đạo đức công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương theo Chương trình hành động số 02/CTr-UBND ngày 30/3/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp và Chỉ thị số 10/CT-CTUBND của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng. Bên cạnh đó, huyện thành lập Đoàn Kiểm tra công vụ đối với các phòng ban chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Trong năm đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng được 21 đơn vị, trong đó 6/13 phòng ban chuyên môn, 7/13 xã, thị trấn và 8 đơn vị sự nghiệp (lồng ghép vào kiểm tra CCHC năm 2019). Qua kiểm tra cho thấy các đơn vị có xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện; cán bộ, công chức, viên chức chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, từng bước cải thiện chất lượng hoạt động công vụ trên địa bàn huyện.

### **4. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính**

Căn cứ Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng về tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng năm 2019; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 22/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 27/02/2019 tuyên truyền cải cách hành chính huyện Kế Sách năm 2019, kết quả triển khai thực hiện đạt 100% so với kế hoạch. Cụ thể như: tổ chức Hội thi tìm hiểu CCHC huyện Kế Sách năm 2019; thiết kế 03 pano tuyên truyền CCHC (01 pano tại ngã ba lộ mới, 01 pano tại ngã



ba Phường nam ấp An Phú, thị trấn Kế Sách và 01 pano trước Trường mầm non Mạ Mi, ấp An Khương, thị trấn Kế Sách); thường xuyên đưa các tin, bài về CCHC trên cổng thông tin điện tử của huyện; bên cạnh đó Đài Truyền thanh thường xuyên phối hợp với Phòng Nội vụ và các đơn vị có liên quan đẩy mạnh thông tin tuyên truyền phổ biến các nội dung, nhiệm vụ về CCHC trọng tâm là một số nhiệm vụ thực hiện trong năm 2019, Kết quả thực hiện được 50 buổi tuyên truyền và 17 kỳ cùng 12 chuyên mục, gồm có 30 tin, bài, tài liệu với thời lượng phát sóng trên 70 phút; tham gia Liên hoan tuyên truyền lưu động tỉnh Sóc Trăng lần thứ 27 năm 2019 tại huyện Trần Đề với chủ đề thực hiện cải cách hành chính.

### **III. Đề xuất, kiến nghị**

Để đảm bảo việc triển khai thực hiện đồng bộ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân, huyện Kế Sách đề nghị Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Tiếp tục hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị cho bộ phận một cửa của UBND cấp xã trên địa bàn huyện vì hiện nay phần lớn cơ sở vật chất các xã, thị trấn trên địa bàn huyện chưa được trang bị đúng theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

Mở lớp tập huấn sử dụng phần Mềm quản lý văn bản và điều hành cho cán bộ, công chức cấp xã.

### **IV. Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2020**

Tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch CCHC, kế hoạch tuyên truyền CCHC, kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2020 trên địa bàn huyện đảm bảo đúng thời gian và nội dung quy định; đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện tiếp tục thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ đã được Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo tại Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 03/7/2019, đồng thời khắc phục các tồn tại, hạn chế trong thực hiện CCHC năm 2019.

2. Tăng cường rà soát, đề xuất đơn giản hóa các TTHC trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền; thực hiện nghiêm yết, công khai các TTHC theo quy định.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Đề án số 03-ĐA/HU ngày 08/10/2018 của Huyện ủy Kế Sách về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị huyện theo Đề án tổng thể số 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

4. Tăng cường áp dụng và kiểm tra việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết TTHC; gắn kết đồng bộ cải cách TTHC với áp dụng quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông.

5. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tài chính công, đảm bảo ngân sách nhà nước được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả. Đổi mới cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện.

6. Tăng cường thực hiện công tác kiểm tra đột xuất, nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020, UBND huyện Kế Sách báo cáo đến Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng.

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ (phòng CCHC);
- Lưu: VT (VP).







## DANH SÁCH

**Cán bộ, công chức phụ trách công tác CCHC trên địa bàn huyện Kế Sách**

(Kèm theo Báo cáo số: 542 /BC-UBND ngày 14 /11/2019

của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách)

ST T	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Email/điện thoại
1	Lãnh đạo phụ trách CCHC	Lê Vũ Đức	CT. UBND huyện	phieulang7183@yahoo.com
2	Công chức phụ trách tham mưu CCHC	Nguyễn Long Hào	Chuyên viên Phòng Nội vụ	ksnguyenlonghao@gmail.com SĐT: 0939255947
3	Công chức phụ trách tham mưu công nghệ thông tin	Trần Thanh Vũ Linh	Chuyên viên Phòng VH và TT	ttvlinh90@gmail.com 0854017118
4	Công chức phụ trách Bộ phận một cửa	Nguyễn Ngọc Bích Huyền	Chuyên viên VP HĐND và UBND	nguyenbichhuyen1977@gmail.com SĐT: 0918497444
5		Chiêm Hữu Phong		huyphongks@gmail.com SĐT: 098866260
6		Bùi Thị Như Hương	Chuyên viên phòng TC-KH	nhuhuong0605@gmail.com 0984307052
7		Dương Thị Ngọc Xuân	Chuyên viên phòng TN và MT	ngocxuan@gmail.com 0939568627
8		Nguyễn Văn Nhí	Chuyên viên phòng KT và HT	0919055919



**Biểu mẫu IB**

**Thông kê số liệu về công tác kiểm tra**

**Thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn huyện Kế Sách**

**(Kèm theo Báo cáo số Đ/Đ/B-C-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách)**

STT	Nội dung thống kê	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý	Ghi chú
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc/UBND cấp xã				
1	Kiểm tra công tác CCHC	6	7	5	5		
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước	6	7	2	2		
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2015	11	7	2	2		
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính	0	10	6	6		
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật...)	4	12				





**Biểu mẫu 2B**

**Thông kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh**  
(Kèm theo Báo cáo số 51/2/BC-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2019  
của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách)

S	TT	Nội dung thông kê	Tổng số	Ghi chú
-	1	Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của UBND, UBND		
-		Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo	1	Nghi quyết số 18/2019/NQ-HDND ngày 14/8/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Kế Sách về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 -2020 huyện Kế Sách
-		Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra	1	
-		Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	1	
2		<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>		
-		Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền	13	
-		Số văn bản phát hiện trái pháp luật	0	Nghi quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã
-		Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý	0	
-		Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo	0	
3		<b>Rà soát VBQPPL</b>		
-		Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	13	
-		Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát	0	Nghi quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã
-		Số văn bản đã được xử lý sau rà soát	0	
-		Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý	0	



**Biểu mẫu 3B**

**Thông kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn huyện Kế Sách**  
 (Kèm theo Báo cáo số 542 /BC-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2019  
 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách)

STT	Nội dung thông kê	Số liệu thông kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có	Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 21/01/2019 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019 trên địa bàn huyện Kế Sách
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC	380	
2.1	Cấp huyện	257	
2.2	Cấp xã	123	
2.2.1	Thị trấn Kế Sách	123	
2.2.2	Thị trấn An Lạc Thôn	123	
2.2.3	Xã Kế Thành	123	
2.2.4	Xã Kế An	123	
2.2.5	Xã Đại Hải	123	
2.2.6	Xã Ba Trinh	123	
2.2.7	Xã Trinh Phú	123	
2.2.8	Xã Xuân Hòa	123	
2.2.9	Xã Phong Năm	123	
2.2.10	Xã Thới An Hội	123	
2.2.11	Xã An Lạc Tây	123	
2.2.12	Xã Nhơn Mỹ	123	
2.2.13	Xã An Mỹ	123	
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử	381	
3.1	Cấp huyện	257	
3.2	Cấp xã	123	
3.2.1	Thị trấn Kế Sách	123	
3.2.2	Thị trấn An Lạc Thôn	123	
3.2.3	Xã Kế Thành	123	





**Biểu mẫu 4B**

**Thông kê số liệu về số lượng TTHC**

**thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết UBND cấp huyện, cấp xã**

Kính theo Báo cáo số 541/BC-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách)

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)				Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	Số TTHC liên thông ngang	Số TTHC liên thông dọc	Ghi chú	
			Trong đó		Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa	Trong đó						
			Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định		Số TTHC liên thông ngang						Số TTHC liên thông dọc
<b>I</b>	<b>TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp huyện</b>	<b>257</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>257</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			
1	Lĩnh vực tiếp công dân	1				1				Số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017		
2	Lĩnh vực xử lý đơn thư	1				1				Số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017		
3	Lĩnh vực Tôn giáo	8				8				Số 580/QĐ-UBND ngày 13/3/2018		
4	Lĩnh vực thi đua khen thưởng	8				8				2670/QĐ-UBND ngày 11/10/2018		
5	Lĩnh vực tổ chức - biên chế	3				3				Số 2813/QĐ-UBND ngày 07/12/2015		
6	Lĩnh vực tổ chức phi chính phủ	16				16				2691/QĐ-UBND ngày 23/11/2015		
7	Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội	3				3				Số 540/QĐ-UBND ngày 06/3/2018		
8	Lĩnh vực lao động, tiền lương, quan hệ lao động	2				2				Số 540/QĐ-UBND ngày 06/3/2018		

9	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	9						9	/	/	Số 540/QĐ-UBND ngày 06/3/2018
10	Lĩnh vực Người có công	2						2	/	/	Số 893/QĐ-UBND ngày 16/4/2018
11	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh	5						5	/	/	Số 1599/QĐ-UBND ngày 06/7/2018
12	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động Hợp tác xã	19						19	/	/	Số 1599/QĐ-UBND ngày 06/7/2018;
13	Lĩnh vực quản lý tài sản nhà nước	5						5			Số 134/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
14	Lĩnh vực Kế toán, kiểm toán	1						1			Số 134/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
15	Lĩnh vực Giá	1						1			Số 134/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
16	Lĩnh vực Quản lý công sản	2						2			1400/QĐ-UBND ngày 14/6/2018
17	Lĩnh vực đầu thầu	4						4			1599/QĐ-UBND này 06/7/2018
18	Lĩnh vực Môi trường	1						1			Số 874/QĐ-UBND ngày 07/4/2016
19	Lĩnh vực Tài nguyên nước	1						1			Số 1070/QĐ-UBND ngày 10/4/2019
20	Lĩnh vực Đăng ký đất đai	7						7	/	/	Số 841/QĐ-UBND ngày 09/4/2018; Số 2489/QĐ-UBND ngày 28/10/2015
21	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	3						3			Số 3493/QĐ-UBND ngày 28/12/2018
22	Lĩnh vực Thủy sản	3						3			Số 2000/QĐ-UBND ngày 22/7/2019
23	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	35						35	/	/	1731/QĐ-UBND ngày 18/7/2018
24	Lĩnh vực xuất bản, in và phát hành	2						2			Số 1491/QĐ-UBND ngày 26/6/2018



25	Lĩnh vực phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	4				4					Số 1491/QĐ-UBND ngày 26/6/2018
26	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	1				1					Số 134/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
27	Lĩnh vực văn hóa quần chúng, văn hóa dân tộc và tuyên truyền cổ động	4				4					Số 267/QĐ-UBND ngày 29/01/2015
28	Lĩnh vực Thư viện	1				1					Số 1911/QĐ-UBND ngày 06/8/2018
29	Lĩnh vực Gia đình	6				6					Số 1911/QĐ-UBND ngày 06/8/2018
30	Lĩnh vực Văn hóa	2				2					859/QĐ-UBND ngày 21/3/2019
31	Lĩnh vực Hộ tịch	16				16					Số 1304/QĐ-UBND ngày 12/6/2017
32	Lĩnh vực Chứng thực	12				12					Số 1006/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 và Số 1902/QĐ-UBND ngày 03/8/2018
33	Lĩnh vực bồi thường nhà nước	2				2					Số 2597/QĐ-UBND ngày 04/10/2018
34	Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật	2				2					681/QĐ-UBND ngày 6/8/2019
35	Lĩnh vực hòa giải cơ sở	1				1					2179/QĐ-UBND ngày 21/3/2019
36	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng	15				15					2252/QĐ-UBND ngày 23/9/2016; QĐ 797/QĐHC-CTUBND ngày 14/8/2012; QĐ 134/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
37	Lĩnh vực xây dựng	1				1					Số 790/QĐHC-CTUBND ngày 30/7/2014
38	Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng	3				3					Số 2099/QĐ-UBND ngày 22/8/2018

39	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao	1						Số 790/QĐHC-UBND ngày 30/7/2014
40	Lĩnh vực Đường bộ	2						Số 1823/QĐ-UBND ngày 14/8/2015
41	Lĩnh vực Đường thủy nội địa	9						Số 960/QĐ-UBND ngày 25/4/2015
42	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật đô thị	1						Số 134/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
43	Lĩnh vực Kinh doanh khí	3						2134/QĐ-UBND ngày 24/8/2018
44	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	12						Số 409/QĐ-UBND ngày 12/02/2018
45	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại	2						Số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
46	Lĩnh vực giải quyết tố cáo	1						Số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
47	Lĩnh vực phòng chống tham nhũng	5						Số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
48	Lĩnh vực Đăng ký giao dịch bảo đảm	9						Số 1484/QĐ-UBND ngày 29/5/2019
<b>II</b>	<b>TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã II</b>	<b>123</b>						
1	Lĩnh vực Hòa giải cơ sở	4						2180/QĐ-UBND ngày 6/8/2019
2	Lĩnh vực Chính sách	1						581/QĐ-UBND ngày 13/3/2018
3	Lĩnh vực Dân số kế hoạch hóa gia đình	1						1807/QĐ-BQP ngày 01/7/2019
4	Lĩnh vực Tôn giáo	10						581/QĐ-UBND ngày 13/3/2018
5	Tính vận Báo tin và Hải:	0						585/QĐ-UBND ngày 13/3/2018



STT	Địa danh	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị
6	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội	2												807/QĐ-UBND ngày 05/4/2018	
7	Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật	2												585/QĐ-UBND ngày 13/3/2018	
8	Lĩnh vực Hộ tịch	20												682/QĐ-UBND ngày 21/3/2018	
9	Lĩnh vực Nuôi con nười	2												2003/QĐ-UBND ngày 15/8/2017; 1303/QĐ-UBND ngày 12/6/2017	
10	Lĩnh vực Chứng thực	11												2263/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	
11	Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại	1												1303/QĐ-UBND ngày 12/6/2017	
12	Lĩnh vực Giải quyết tố cáo	1												1903/QĐ-UBND ngày 03/8/2018; 1004/QĐ-UBND ngày 04/5/2017	
13	Lĩnh vực Tiếp công dân	1												784/QĐ-UBND ngày 12/4/2017	
14	Lĩnh vực xử lý đơn thư	1												784/QĐ-UBND ngày 12/4/2017	
15	Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng	5												784/QĐ-UBND ngày 12/4/2017	
16	Lĩnh vực bồi thường nhà nước	1												784/QĐ-UBND ngày 12/4/2017	
17	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo	5												2598/QĐ-UBND ngày 4/10/2018	
18	Lĩnh vực Thư viện	1												1699/QĐ-UBND ngày 16/7/2018	
19	Lĩnh vực Thể dục thể thao	1												1305/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 1305/QĐ-UBND ngày 30/5/2016	

20	Lĩnh vực Môi trường	4				4					563/QĐ-UBND ngày
											12/3/2018;
											133/QĐ-UBND ngày
21	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng	5				5					875/QĐ-UBND ngày
											07/4/2016
22	Lĩnh vực Dân số kế hoạch hóa gia đình	1				1					2671/QĐ-UBND ngày
											11/10/2018
23	Lĩnh vực Đất đai	1				1					2809/QĐ-UBND ngày
											04/12/2015
24	Lĩnh vực Đường thủy nội địa	9				9					843/QĐ-UBND ngày
											09/4/2018
25	Lĩnh vực Người có công	6				6					960/QĐ-UBND ngày
											25/4/2015
											585/QĐ-UBND ngày
											13/3/2018;
26	Lĩnh vực Dân tộc	3				3					219/QĐ-UBND ngày
											15/9/2009
27	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật đô thị	1				1					133/QĐ-UBND ngày
											07/7/2009
28	Lĩnh vực phát triển công nghiệp và thương mại địa phương	1				1					133/QĐ-UBND ngày
											07/7/2009
29	Lĩnh vực Hành chính tư pháp	1				1					133/QĐ-UBND ngày
											07/7/2009
30	Lĩnh vực Trồng trọt	1				1					354/QĐ-UBND ngày
											06/02/2018
31	Lĩnh vực Văn hóa	3				3					860/QĐ-UBND ngày
											21/3/2019
32	Lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm	9				9					2011/QĐ-UBND ngày
											22/7/2019
											1484/QĐ-UBND ngày
											29/5/2019





**Biểu mẫu SB**

**Thông kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính  
cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Kế Sách  
theo Báo cáo số 541/BC-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách)**

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TT HC	Số hồ sơ đã tiếp nhận		Kết quả giải quyết					Ghi chú		
		Tổng số	Trong đó	Số hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ đang giải quyết	Chưa đến hạn	Quá hạn				
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
I	TT HC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	5.697	323	5.374	4.115	4.101	14	1582	1582		14 hồ sơ trả quá hạn thực tế là trả đúng hạn nhưng do hệ thống phần mềm bị lỗi nên cập nhật chưa kịp thời
II	TT HC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	92.154		92.154	92.154	91.627	527				
1	Thị trấn Kế Sách	21.902		21.902	21.902	21.893	9				
2	Thị trấn An Lạc Thôn	7.291		7.291	7.291	7.232	59				
3	Xã Kế Thành	5.737		5.737	5.737	5.737					
4	Xã Kế An	3.598		3.598	3.598	3.597	1				
5	Xã Đại Hải	6.083		6.083	6.083	6.080	3				
6	Xã Ba Trinh	9.346		9.346	9.346	9.130	216				
7	Xã Trinh Phú	3.368		3.368	3.368	3.320	48				
8	Xã Xuân Hòa	8.234		8.234	8.234	8.186	48				
9	Xã Phong Năm	4.822		4.822	4.822	4.799	23				
10	Xã Thời An Hội	9.777		9.777	9.777	9.657	120				
11	Xã An Lạc Tây	4.555		4.555	4.555	4.555					
12	Xã Nhon Mỹ	4.073		4.073	4.073	4.073					
13	Xã An Mỹ	3.368		3.368	3.368	3.368					
<b>Tổng số = (I) + (II)</b>		<b>97.851</b>	<b>323</b>	<b>97.528</b>	<b>96.269</b>	<b>91.627</b>	<b>541</b>	<b>1.582</b>	<b>1.582</b>		

Biểu mẫu 6B



Thống kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại sở ban ngành, UBND cấp huyện  
 Kế hoạch số 5/LK/BC-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng nhân sự chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	Tăng (+) / giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng lãnh đạo UBND cấp huyện		Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã		Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tình biên chế		Ghi chú
				Tăng (+) / giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bộ nhiệm, bỏ nhiệm lại (22)	Tăng (+) / giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bộ nhiệm, bỏ nhiệm lại (23)	Tăng (+) / giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng Kế hoạch năm	Đã tính biên chế		
I	UBND cấp huyện	19 (13 phòng chuyên môn, 06 đơn vị sự nghiệp)	-1	3	1	54	-2	6	86	-5	2	2
II	UBND cấp xã (26)	13	0	0	0	37	0	0	281	-16	5	5
1	Thị trấn Kế Sách					3			22	-1		
2	Thị trấn An Lạc Thôn					3			23			
3	Xã Kế Thành					3			21	-3	1	1
4	Xã Kế An					2			19	-2	1	1
5	Xã An Mỹ					3			23	-1		
6	Xã Nhơn Mỹ					3			22	-2		
7	Xã An Lạc Tây					3			20	-3	1	1
8	Xã Phong Năm					2			21			
9	Xã Xuân Hòa					3			24			
10	Xã Thới An Hội					3			21	-1	2	2
11	Xã Trinh Phú					3			22	-1		
12	Xã Ba Trinh					3			20	-3	1	1
13	Xã Đại Hải					3			23	1		
Tổng số = (I) + (II)		33	-1	3	1	91	-2	6	367	-21	7	7



Biểu mẫu 7B

Thông kê số liệu về CBCCCV tại UBND huyện Kế Sách  
(Kính gửi Báo cáo số 12/BQ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách)



STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCCV hiện số mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chí danh, VTVL	Số lượng CBCCCV được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác			Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCCV		Điều động, chuyển công tác CB, CC, VC[2]	Năng lương theo thâm quyền		
		Biện chế	HD chuyên môn		Đào tạo	Bồi dưỡng nghiệp vụ	Có KH tuyển dụng	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng	Không qua thử/tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên	TX		TH		
I	UBND cấp huyện	2.041	0	2041	3	100	0	12	12	12	0	0	0	0	4	0	543	63	
1	Phòng chuyên môn	86		86	3	45		12	12								11	7	
2	Sở nghiệp huyện	49		49		12											14	2	
3	Sở nghiệp GD	1906		1906		43											518	54	
II	UBND cấp xã	281	0	281	13	246	3	0	0	0	2	1	0	4	0	53	10		
1	Thị trấn Kế Sách	22		22		21											4	1	
2	Thị trấn An Lạc Thôn	23		23		15	1										6		
3	Xã Kế Thành	21		21	2	20	1										3		
4	Xã Kế An	19		19	1	18						1					6		
5	Xã An Mỹ	23		23	1	21											4		
6	Xã Nhơn Mỹ	22		22	1	19					1						5	1	
7	Xã An Lạc Tây	20		20		17											6		
8	Xã Phong Nẫm	21		21	1	17											5	1	
9	Xã Xuân Hòa	24		24		19					1						6		
10	Xã Thới An Hới	21		21	1	22											1	1	
11	Xã Trinh Phú	22		22	4	18											6	2	
12	Xã Ba Trinh	20		20	1	18	1										3	1	
13	Xã Đại Hải	23		23	1	21											7	2	
Tổng cộng		2322	0	2322	16	346	3	12	12	12	3	0	0	0	2	5	0	596	73



**Biểu mẫu 8B**

**Thống kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức,  
công vụ tại các đơn vị huyện Kế Sách**

(Kèm theo Báo cáo số 564/BC-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	13	
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	74	
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	0	
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1	
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	





**Biểu mẫu 9B**

**Thống kê số liệu về cải cách tài chính công tại UBND huyện Kế Sách**  
(Kèm theo Báo cáo số 542 /BC-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2019  
của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách)

S TT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	32		32/32
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.	74		74
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	0		0
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	0		0
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0		0
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	74		74/74

Biểu mẫu 10B

Phong Kế Sách Huyện Kế Sách về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước

trong cùng cấp dịch vụ công trực tuyến tại UBND cấp huyện và cấp xã

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách)



STT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số văn bản đi	Số văn bản giấy		Số văn bản điện tử		Số văn bản phát hành V/B giấy + điện tử	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3		Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4		Ghi chú
			Trong đó	chính nhà nước	Tổng số TTHC đã cung cấp	Tổng số TTHC		Hồ sơ đã tiếp nhận	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận	
1	UBND cấp huyện	2.978	2.003	599	376	58						
II	UBND cấp xã	5.372	5.218	154								
1	Thị trấn Kế Sách	399	350	49								
2	Thị trấn An Lạc Thôn	479	479	0								
3	Xã Kế Thành	425	410	15								
4	Xã Kế An	450	446	4								
5	Xã Đại Hải	469	432	37								
6	Xã Ba Trinh	303	303	0								
7	Xã Trinh Phú	298	284	14								
8	Xã Xuân Hòa	521	514	7								
9	Xã Phong Nẫm	347	333	14								
10	Xã Thời An Hội	300	299	1								
11	Xã An Lạc Tây	436	435	1								
12	Xã Nham Mỹ	489	480	9								
13	Xã An Mỹ	456	453	3								
Tổng (I) + (II)		8.350	7.221	753	376	58						



**Biểu mẫu 11B**

**Thông kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ**

**dịch vụ BCCI tại các đơn vị, địa phương**

*(Kèm theo Báo cáo số 11/B-C-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách)*



STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
<b>I</b>	<b>Cơ quan cấp huyện</b>	31	0	0	
<b>II</b>	<b>UBND cấp xã</b>	0			
1	Thị trấn Kế Sách	0			
2	Thị trấn An Lạc Thôn	0			
3	Xã Kế Thành	4	0	0	
4	Xã Kế An	0			
5	Xã Đại Hải	0			
6	Xã Ba Trinh	0			
7	Xã Trinh Phú	0			
8	Xã Xuân Hòa	0			
9	Xã Phong Năm	0			
10	Xã Thới An Hội	0			
11	Xã An Lạc Tây	0			
12	Xã Nhơn Mỹ	0			
13	Xã An Mỹ	0			



**Biểu mẫu 13B**

**Thông kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015 tại UBND cấp huyện**  
(Kèm theo Báo cáo số 541/BC-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách)

STT	Nội dung thông kê	Số liên thống kê	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống</b>		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO	13	Huyện và 13 xã thị trấn thực hiện áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO	13	
<b>II</b>	<b>Duy trì, cải tiến hệ thống</b>		
1	Thực hiện công bố lại ISO	Có	Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của Chủ tịch UBND huyện Kế Sách
2	Thực hiện đánh giá nội bộ	Có	Kế hoạch số 16/KH-BCD ngày 04/01/2019 của Ban Chỉ đạo ISO về đánh giá nội bộ năm 2019
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có	Theo Kế hoạch số 16/KH-BCD ngày 01/01/2019 (tổ chức đánh giá vào tháng 06, 11/2019)
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	Có	
5	Nội dung khác		



Biểu mẫu 14

Thông kê tình hình tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo  
 (Kèm theo Báo cáo số 04/BC-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách)



STT	Nội dung thông kê	Số lượng			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	Ghi chú
		Tổng	Tiếp nhận	Thuộc thẩm quyền			
I	Cấp huyện	0					
II	Cấp xã	9	4	5	3	1	
1	Thị trấn Kế Sách	0	0	0	0	0	
2	Thị trấn An Lạc Thôn	0	0	0	0	0	
3	Xã Kế Thành	4	4	0	4	0	
4	Xã Kế An	0	0	0	0	0	
5	Xã Đại Hải	0	0	0	0	0	
6	Xã Ba Trinh	0	0	0	0	0	
7	Xã Trinh Phú	3	3	0	2	1	
8	Xã Xuân Hòa	0	0	0	0	0	
9	Xã Phong Nẫm	0	0	0	0	0	
10	Xã Thới An Hội	0	0	0	0	0	
11	Xã An Lạc Tây	2	2	0	2	0	
12	Xã Nhon Mỹ	0	0	0	0	0	
13	Xã An Mỹ	0	0	0	0	0	
<b>Tổng (I) + (II)</b>		<b>9</b>	<b>4</b>		<b>3</b>	<b>1</b>	